

THỰC TRẠNG DẠY HỌC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HỌC TẬP HỢP TÁC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ThS. NGUYỄN THỊ THANH*

1. **Dạy học (DH) theo hướng phát triển kỹ năng học tập hợp tác (KNHTHT)** là quá trình trong đó dưới tác động chủ đạo (tổ chức, cố vấn, tham gia, kiểm tra, đánh giá (ĐG),...) của người dạy, người học được chia thành những nhóm nhỏ tự giác, tích cực cùng nhau tiến hành các hành động học tập hợp tác (HTHT) để hoàn thành nhiệm vụ học tập (HT), nhằm đạt mục tiêu kép vừa phát triển tri thức, thái độ, kỹ năng (KN) khoa học; vừa phát triển các KNHTHT.

DH theo hướng phát triển KNHTHT đưa mối quan hệ giao lưu, hợp tác giữa sinh viên (SV)-SV vào trung tâm quá trình DH khắc phục những điểm yếu mà DH truyền thống chưa quan tâm được. Từ đó, xây dựng các tương tác hoạt động đa phương giữa thầy - trò; giữa SV-SV, làm cho quá trình DH gắn với quá trình nghiên cứu khoa học. SV tự tìm tòi, khám phá tri thức bằng cách thảo luận trao đổi, chia nhiệm vụ, trách nhiệm, nương tựa vào nhau, hỗ trợ nhau, dạy lẫn nhau... trong đó giảng viên (GV) là người thiết kế, kích thích động cơ, hỗ trợ, cố vấn và ĐG. Vậy nên, việc tìm hiểu thực trạng DH theo hướng phát triển KNHTHT cho SV đại học sư phạm (ĐHSP) chính là cơ sở thực tiễn có giá trị trong việc tìm kiếm những biện pháp hữu hiệu nâng cao hiệu quả của phương thức DH này.

2. Thực trạng DH theo hướng phát triển KNHTHT ở ĐHSP

Để tìm hiểu thực trạng DH theo hướng phát triển KNHTHT cho SV ĐHSP, chúng tôi đã quan sát 32 giờ dạy, phỏng vấn sâu và điều tra bằng bảng hỏi trên 188 GV và 538 SV các trường: ĐHSP (ĐH Thái Nguyên); ĐH Hồng Đức; ĐH Vinh và ĐHSP TP Hồ Chí Minh (năm học 2011-2012). Kết quả như sau:

1) Thực trạng về xác định mục tiêu thiết kế bài dạy của GV khi dạy học hợp tác (DHHT) nhóm (xem bảng 1a, b)

Số liệu ở bảng 1a cho thấy, các GV khi thiết kế bài dạy quan tâm nhiều nhất tới đạt được mục tiêu nhận thức: *hiểu; nhớ; tái hiện kiến thức; rèn KN tương ứng với nội dung đã học. Phát triển KN giao lưu, KN HTHT* chưa được các GV xác định trong mục tiêu sẽ đạt được của DH (chỉ có 34,04% GV cho rằng đạt được).

Bảng 1a

TT	Mục tiêu xác định	Mức độ lựa chọn		
		Số lượng	%	Thứ bậc
1	SV hiểu, nhớ và tái hiện được kiến thức	188	100	1
2	Phát triển ở SV tư duy độc lập, sáng tạo	188	100	1
3	Rèn SV những KN tương ứng với nội dung đã học	174	92,55	3
4	Hình thành ở SV tình cảm nghề nghiệp	152	80,85	4
5	Phát triển ở SV KN HTHT	64	34,04	5

Bảng 1b

Mục tiêu	Mức độ DH đạt được			
	GV		SV	
	SL (%)	TB	SL (%)	TB
1. SV hiểu, nhớ và tái hiện được kiến thức	188 (100)	1	531 (98,70)	1
2. Phát triển ở SV tư duy độc lập, sáng tạo	142 (75,53)	2	425 (78,99)	2
3. Rèn SV những KN tương ứng với nội dung đã học	96 (51,06)	4	258 (47,95)	4
4. Hình thành ở SV tình cảm nghề nghiệp	135 (71,81)	3	366 (68,03)	3
5. Phát triển ở SV KN HTHT	65 (34,57)	5	157 (29,18)	5

Để kiểm định kết quả thu được ở bảng 1a, chúng tôi có đặt câu hỏi điều tra, kết quả thu được bảng 1b cho thấy GV và SV ĐG tương đối thống nhất, đều cho rằng: *SV hiểu, nhớ và tái hiện được kiến thức* là mục tiêu đạt được trong khi DH xếp thứ nhất; *Phát triển ở SV tư duy độc lập, sáng tạo* xếp thứ 2; *Hình thành ở SV tình cảm nghề nghiệp* xếp thứ 3; *Rèn SV những KN tương ứng với nội dung đã học* xếp thứ 4; *Phát triển ở SV KN HTHT* xếp thứ 5. Kết quả thu được ở các bảng trên cho thấy, việc xác định mục tiêu DH ban đầu phù hợp với kết quả đạt được mục tiêu khi kết thúc môn học.

Có thể khẳng định, hầu hết các GV ĐHSP đều xác định khi DH đạt được mục tiêu nhận thức và phát triển ở SV tư duy độc lập, sáng tạo của SV là quan trọng và quan tâm nhiều nhất và các mục tiêu đạt được phù hợp với mục tiêu xác định ban đầu. KNHTHT của SV ít được chú trọng, quan tâm mặc dù điều tra cho thấy họ nhận thấy phát triển KNHTHT mang lại

* Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức

rất nhiều lợi ích. Cách lựa chọn mục tiêu của GV vẫn phù hợp với việc xác định mục tiêu của phương thức DH truyền thống.

2) Thực trạng việc sử dụng các kỹ thuật DHHT của GV các trường ĐHSP. Để tìm hiểu việc DH theo hướng phát triển KNHTHT của GV ĐHSP, chúng tôi đưa ra các hình thức của kỹ thuật DHHT (Lắp ráp (Jigsaw); Suy nghĩ - làm việc theo cặp - chia sẻ; Phỏng vấn ba bước; Ba phút tóm tắt; Công não; Đánh số; Nhóm khám phá; Khăn trải bàn; Ô bi; XYZ; Bể cá) do các chuyên gia (như: Robert E.Slavin; David W.Johnson và T.Johnson; Elliot Aronson; Spencer Kagan...) nghiên cứu và thực nghiệm về DHHT. Mỗi kỹ thuật đều có chiến lược nhất định hướng dẫn cho GV thực hành nhằm giúp HS nắm vững KNHTHT, lĩnh hội kiến thức và phát triển tư duy bậc cao.

Kết quả thu được cho thấy: Hầu hết các GV ở trường ĐHSP rất ít sử dụng các kỹ thuật DHHT trong quá trình DH theo nhóm (Rất thường xuyên = 5,62%; Thường xuyên = 10,44%). Trong đó, GV sử dụng các kỹ thuật DHHT ở các mức độ không đều nhau, các kỹ thuật được ĐG là sử dụng thường xuyên nhất là: *Hình thức công não; Hình thức lắp ráp (Jigsaw); Khăn trải bàn; Đánh số.* Tuy nhiên, cũng không có kỹ thuật nào mức độ rất thường xuyên và thường xuyên được ĐG vượt quá 50% sử dụng (nhiều nhất là hình thức công não là 20,21% + 26,06% = 46,27% sử dụng). Ngược lại mức độ ĐG là không bao giờ sử dụng các kỹ thuật DHHT đa số đều > 50% GV không sử dụng bao giờ, có những kỹ thuật 100% GV đều trả lời chưa bao giờ sử dụng như: *Hình thức phỏng vấn ba bước và ba phút tóm tắt.*

Kết quả quan sát các tiết học cũng cho thấy: Chỉ có 7/32 tiết dự giờ (4 tiết và 3 tiết liền nhau trong 1 buổi thảo luận) có dùng kỹ thuật DHHT là *kỹ thuật đếm số mặc dù chưa hoàn toàn đúng và khoa học.* Số tiết dự giờ còn lại cho thấy hầu hết các tiết học được GV chia nhóm ngẫu nhiên theo tổ hoặc theo bàn và ổn định trong các giờ học. Việc phân chia nhiệm vụ cho nhóm cũng theo ý tưởng cá nhân mà không tuân thủ theo kỹ thuật nào. Nhiều GV khi được phỏng vấn còn chưa biết tên các kỹ thuật DHHT.

Như vậy, kết quả dự giờ quan sát một lần nữa khẳng định việc ĐG của GV thông qua bảng hỏi là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Có thể kết luận mặc dù có rất nhiều các kỹ thuật DHHT, song ở các trường ĐHSP, GV chưa tiếp cận và chưa ứng dụng thường xuyên vào trong quá trình DH. Hầu hết GV vẫn sử dụng DH nhóm truyền thống mà ít áp dụng các kỹ thuật, điều này nói lên mặc dù phương thức DH mà

hầu hết các trường ĐHSP ngày nay sử dụng DH theo hệ thống tin chỉ, số giờ thảo luận, seminar đã tăng nhưng việc cập nhật, ứng dụng các kỹ thuật DH nhóm tích cực chưa được GV quan tâm sử dụng. Đây cũng là những gợi ý cho các việc tìm kiếm các biện pháp tác động nhằm nâng cao hiệu quả DH theo hướng phát triển KNHTHT

3) Thực trạng việc sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) của GV

Bảng 2

Phương pháp DH	Sử dụng							
	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Đôi khi		Không bao giờ	
	SL (%)	TB	SL (%)	TB	SL (%)	TB	SL (%)	TB
1. Trực quan	38 (20,21)	5	67 (35,64)	3	83 (44,15)	3	0	5
2. Vấn đáp	140 (74,47)	1	48 (25,53)	5	0	9	0	5
3. nêu vấn đề	44 (23,40)	4	107 (56,91)	2	37 (19,68)	6	0	5
4. Thuyết trình	55 (29,26)	2	114 (60,64)	1	19 (10,11)	8	0	5
5. Dạy học dự án	0	6	26 (13,83)	6	65 (34,57)	4	97 (51,59)	2
6. Thảo luận nhóm	45 (23,94)	3	107 (56,81)	2	36 (19,15)	7	0	5
7. Sắm vai	0	6	24 (12,77)	7	57 (30,32)	5	107 (56,91)	1
8. Tình huống	0	6	63 (33,51)	4	98 (52,13)	1	27 (14,36)	4
9. Hợp đồng	0	6	14 (7,45)	8	93 (49,47)	2	81 (43,06)	3

PPDH là cách thức hoạt động của thầy - trò trong quá trình DH, là nhân tố cơ bản quyết định mối quan hệ tương tác giữa SV-SV. Kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 2 cho thấy hầu hết các GV đều sử dụng đa dạng các PPDH trong quá trình giảng dạy. Trong đó, phương pháp (PP) được sử dụng nhiều nhất *PP vấn đáp xếp thứ 1, thuyết trình xếp thứ 2; thảo luận nhóm xếp thứ 3; nêu vấn đề xếp thứ 4...* Như vậy, có thể nhận thấy các PP mà GV sử dụng thường xuyên nhất vẫn là những PP truyền thống. Hình thức DH theo nhóm cũng được GV quan tâm sử dụng thường xuyên, song chủ yếu là GV sử dụng *PP thảo luận nhóm.* Các PP tích cực có thể mang lại mối quan hệ phụ thuộc tích cực giữa SV-SV như *PP dự án; nghiên cứu tình huống; hợp đồng; sắm vai* thì ít được GV sử dụng. *PP dự án* có tới 51,49% chưa bao giờ sử dụng; *sắm vai* có tới 56,91% GV chưa bao giờ sử dụng; *PP hợp đồng* có 43,06% GV chưa bao giờ sử dụng.

Kết quả thu được từ phiếu quan sát 32 tiết học nhóm của các GV các phân môn khác nhau cũng cho thấy 25/32 tiết GV sử dụng PP thảo luận nhóm thuần túy, không có kế sách cho chia nhóm, không sử dụng các kỹ thuật và các PPDH tích cực. Chỉ có 7/32 tiết GV có sử dụng nghiên cứu tình huống trong DH và sử dụng kỹ thuật đếm số (4 tiết vẫn sử dụng kỹ thuật đếm số ở lớp K14 Văn ĐH Hồng Đức và 3 tiết GDH lớp N11 Văn + Sử (nhóm Văn Sử) ĐHSP TN).

Như vậy, kết quả thu được từ quan sát giúp chúng tôi lần nữa khẳng định kết quả *bảng 2* là tương đối khách quan và phù hợp thực tiễn. Đây cũng là những hạn chế làm giảm hiệu quả của HT theo nhóm, cần được quan tâm nghiên cứu.

4) Thực trạng hoạt động của GV trong khi SV tham gia hoạt động hợp tác. Hoạt động của GV trong quá trình tham gia HTHT của GV đóng vai trò quan trọng quyết định tới sự kết quả DH, cũng như hình thành KNHTHT cho SV. Bởi SV mặc dù so với học sinh phổ thông đã có sự trưởng thành hơn song ở trường ĐH với phương thức HT mới vẫn rất cần sự giúp đỡ, giám sát, động viên kịp thời của các GV mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ HT.

Để tìm hiểu hoạt động hướng dẫn, cố vấn của GV chúng tôi tìm hiểu thông qua đặt câu hỏi cho SV, kết quả thu được cho thấy SV ĐG: *GV ngồi theo dõi, chờ đợi SV làm việc và tư vấn khi SV hỏi mức độ thường xuyên xếp thứ 1; Đi lại khuyến khích, điều chỉnh hoạt động HTHT của SV xếp thứ 2; Hướng dẫn các nguyên tắc, thao tác, hành vi HTHT cho SV xếp thứ 3 và việc Hướng dẫn các nguyên tắc, thao tác, hành vi HTHT cho SV xếp thứ bậc thứ 4.* Trong đó, *GV Ngồi theo dõi, chờ đợi SV làm việc và tư vấn khi SV hỏi* được SV cho rằng thường xuyên nhất chiếm tới 74,73% cho rằng rất thường xuyên và thường xuyên. Như vậy, qua ĐG của SV có thể nhận thấy trong lúc SV tham gia HTHT GV ít quan tâm tới việc hướng dẫn các KNHTHT; việc đi lại khuyến khích động viên, điều chỉnh hoạt động HT hay giám sát ghi chép các hoạt động của SV để có những ĐG khách quan công bằng hay điều chỉnh những hành vi lệch chuẩn cũng ít được quan tâm.

Kết quả thống kê và bình xét thông qua quan sát 32 tiết dạy học nhóm cũng cho kết quả: GV ít hướng dẫn, động viên khuyến khích SV trong quá trình tham gia HTHT, chỉ hỗ trợ khi SV gặp khó khăn và SV hỏi. Kết quả phỏng vấn sâu GV sau khi chúng tôi quan sát được biết thêm: *GV ĐHM GV Khoa Tự nhiên trường ĐH Hồng Đức cho rằng "rất đông SV nên không thể quan tâm hết được và hơn nữa SV đã lớn có thể tự làm chủ, chịu trách nhiệm với các hoạt động của mình không cần can thiệp hướng dẫn của GV".*

Tuy nhiên, kết quả thu được ở trên lại mâu thuẫn với kết quả thu được ở phỏng vấn sâu: 10/10 GV đều cho rằng cần giám sát, hướng dẫn, hay động viên, khuyến khích các hoạt động HTHT của SV trong quá trình HT nhóm có thể nâng cao được hiệu quả HT.

Như vậy, thực tế GV có thể nhận thức tốt song không thường xuyên thực hiện vì nhiều lí do, có thể nhận thấy họ chưa áp dụng các PPDH và các kĩ thuật DHHT nên chưa có những hoạt động tích cực đồng bộ trong quá trình DH. Thực tế này cũng sẽ ảnh hưởng tới kết quả DHHT và việc hình thành phát triển KNHTHT cho SV ĐHSP. Đây cũng là gợi mở những biện pháp

bổ trợ để có thể nâng cao hiệu quả DH theo hướng phát triển KNHTHT.

5) Thực trạng việc thực hiện kiểm tra ĐG của GV khi DH theo hướng phát triển KNHTHT. KT, ĐG là một khâu quan trọng trong quá trình DH ĐH, nó không chỉ cho phép GV thu nhận được thông tin ngược từ phía SV, mà còn là động cơ kích thích hoạt động HT của SV. Đối với SV ĐHSP, những hình thức, biện pháp KT, ĐG mà GV sử dụng trong quá trình DH ở trường SP còn có ý nghĩa là những bài học để SV HT trong quá trình thực hiện nghề của mình sau này.

Kết quả khảo sát chúng tôi thu được cho thấy: giữa GV và SV ĐG tương đương nhau sự chênh lệch không đáng kể: *ĐG KQHT cả nhóm; ĐG thái độ HTHT của SV; ĐG KQHT của từng cá nhân trong nhóm và ĐG hành vi, KN HTHT của SV* lần lượt xếp thứ bậc 1, 2, 3, 4. *ĐG KQHT của từng cá nhân trong nhóm và ĐG hành vi, KN HTHT của SV* không được GV chú ý ĐG thường xuyên (đều <50% cho rằng rất thường xuyên và thường xuyên).

Kết quả quan sát và phỏng vấn sâu cũng cho kết quả việc ĐG KQHT của từng cá nhân trong nhóm và ĐG hành vi, KN HTHT của SV ít được chú ý và thực hiện. Được hỏi cô N.T.T khoa GV TL-GD trường ĐH Hồng Đức cho rằng: *"Đôi lúc cũng nhận thấy việc lấy kết quả SV trong một nhóm đều bằng nhau là không khách quan, công bằng, nhưng việc ĐG phù hợp với năng lực làm việc của SV trong nhóm rất khó và mất thời gian".*

Như vậy, có thể thấy, GV còn ĐG phiến diện, mặc dù việc ĐG tập trung vào kết quả của cả nhóm và thái độ hoạt động của nhóm cũng phù hợp với lí luận DH theo hướng phát triển KNHTHT lấy kết quả hoạt động của nhóm làm đơn vị ĐG cơ bản. Tuy nhiên, việc ĐG KNHTHT và ĐG cá nhân chưa được thường xuyên thực hiện nên chưa động viên khuyến khích được sự tích cực và rèn luyện của từng cá nhân SV. Đây là những điểm yếu cần được quan tâm trong nghiên cứu.

3. Từ kết quả điều tra trên có thể thấy, hiện nay ở các trường ĐHSP, việc DH theo hướng phát triển KNHTHT chưa được quan tâm chú trọng. Việc xác định mục tiêu DH của GV hầu như không đặt ra cho việc đạt được sự phát triển KNHTHT của SV. GV ít sử dụng các kĩ thuật DHHT và các PPDH mang lại sự tương tác tích cực giữa SV-SV. Trong quá trình DH, GV cũng chưa chú ý nhiều tới việc động viên, khuyến khích, hướng dẫn những hành vi, KN hợp tác cho SV. Việc kiểm tra ĐG cũng chưa thật sự quan tâm tới ĐG thái độ, hành vi, KN HTHT của SV nói chung và từng

(Xem tiếp trang 18)

tích cực chủ động của người học; + Có kế hoạch và các công cụ kiểm tra, giám sát hoạt động tự học của SV; + Đối với hoạt động dự giờ phải đảm bảo thời gian và có những trao đổi, đóng góp với đồng nghiệp về nội dung, phương pháp, cách tổ chức giảng dạy trên tinh thần xây dựng; - **Tổ trưởng TBM:** Chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp GV tham gia hoạt động giảng dạy; - Kiểm tra, đôn đốc công việc giảng dạy trong TBM thông qua “*Sổ theo dõi giảng dạy*” từng học kỳ và yêu cầu của đào tạo theo tín chỉ; - Tổ chức các buổi dự giờ và các buổi họp chuyên môn, đóng góp ý kiến thường kỳ cho các hoạt động giảng dạy; - Có báo cáo thường kỳ về hoạt động giảng dạy; - Chịu trách nhiệm báo cáo với trưởng khoa và các phòng ban chức năng về những vi phạm của nhân viên trong tổ như bỏ tiết, không dạy...; - **Trưởng khoa:** là người quản lý toàn diện và trực tiếp các công việc của khoa; do đó, phải có kế hoạch quản lý hoạt động giảng dạy của toàn bộ cán bộ trong khoa; - Kiểm tra các khâu giảng dạy các môn học do khoa quản lý, khuyến khích GV đổi mới PPDH phát huy tính tích cực chủ động của SV, quản lý đảm bảo số giờ hoạt động học tập, nghiên cứu và thực hành ngoài giờ lên lớp; - Báo cáo định kỳ về hoạt động giảng dạy trong khoa cho hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý đào tạo; - Chịu trách nhiệm trước toàn trường về những vi phạm của cấp dưới; - Tạo điều kiện cho GV được bồi dưỡng và nâng cao trình độ.

2) Nhà trường nên phổ biến rộng rãi quy chế và tổ chức các buổi tọa đàm, chuyên đề nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và vai trò của từng đối tượng quản lý.

3) Các đối tượng quản lý như trưởng khoa, tổ trưởng/chủ nhiệm TBM, GV cần có kế hoạch quản lý cụ thể các công việc liên quan đến hoạt động giảng dạy.

4) Sử dụng những biện pháp, công cụ quản lý một cách thích hợp không ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động giảng dạy.

Như vậy, khi xác định rõ được vai trò và trách nhiệm của những đối tượng quản lý ở cấp độ khoa đối với hoạt động giảng dạy thì những quy định, điều lệ đó được xem như yêu cầu của nhà trường trong việc khen thưởng và kỉ luật. Việc xác định vai trò và trách nhiệm của các đối tượng liên quan đến hoạt động quản lý nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giảng dạy. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Đình Nghiệm. “Nâng cao chất lượng đào tạo: các vấn đề thực hiện cụ thể”. Kỷ yếu hội thảo “Đảm bảo chất lượng năm 2012”. Phòng khảo thí và đảm

bảo chất lượng, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh.

2. Bộ GD-ĐT. *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT).

3. Lâm Quang Thiệp. “Về việc áp dụng học chế tín chỉ trên thế giới và ở Việt Nam” Kỷ yếu hội thảo “*Xây dựng chương trình đào tạo theo tín chỉ có sử dụng internet*” 1998.

4. Lê Hoàng Giang. “Người dạy là “nhân vật” trung tâm của quá trình dạy học”. Tạp chí *Dạy và học* ngày nay số 3, 2011.

SUMMARY

Current teaching and learning activities are basic activities, the foundation of the school in general and universities in particular. Training model according to the current credit, the role of the teacher becomes more important. Therefore, managers need to maximize their roles and responsibilities in teaching activities of teachers.

Thực trạng dạy học...

(Tiếp theo trang 31)

cá nhân nói riêng. Đây chính là những vấn đề thực tiễn gợi mở cho hướng nghiên cứu mới nhằm phát triển KNHTHT cho SVSP nhằm nâng cao KQHT và đáp ứng nghề và cuộc sống của SV sau này. □

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Thành Hưng. “Hệ thống kĩ năng học tập hiện đại”. Tạp chí *Giáo dục*, số 78/2004.

2. Glasser, W. *A new look at school failure and school success*. Phi Delta Kappan, 596,7 - 1997.

3. Slavin RE. *Educational psychology: Theory into practice (9 Edition)*. Boston, Allyn & Bacon, 2010.

4. Lewin, K. *Field theory in social science*. New York: Harper, 1951.

5. Bern Meier - Nguyễn Văn Cường. *Lí luận dạy học hiện đại - Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học*. Potsdam, H 2009; tr 42-45

6. RE Slavin. *Học tập hợp tác, lí thuyết và thực hành* [M] Allyn và Bacon, 1990.

SUMMARY

Teaching in the direction of developing cooperation learning skill; building multilateral interactions (lecturer-student, student-student) makes the teaching process close to scientific research process. Studying current state of teaching in the direction of developing cooperation learning skill for pedagogical college students is the practical basis for finding effective measures aimed at improving the effectiveness of this teaching method.